

Số: /GPMT-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng 4 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khoáng sản và báo cáo đề nghị cấp giấy phép môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Văn bản số 25/2023/CV ngày 15/3/2023 của Công ty Cổ phần Thủy điện Điện lực Đắk Lắk về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà máy thủy điện Ea Đrăng 2” tại xã Ea Wy, huyện Ea H’leo, tỉnh Đắk Lắk và hồ sơ báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 72 /TTr-STNMT ngày 23 /3 /2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty CP Thủy điện Điện lực Đắk Lắk, địa chỉ tại phòng 6, tầng 2, khu B Chung cư Hoàng Anh Gia Lai, 33 Nguyễn Công Trứ, phường Tự An, thành phố Buôn Ma Thuột được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của "Nhà máy thủy điện Ea Đrăng 2" với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy thủy điện Ea Đrăng 2.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Ea Wy, huyện Ea H’leo, tỉnh Đắk Lắk

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án: 6233627377 do Sở Kế hoạch và Đầu tư chứng nhận lần đầu ngày 08/10/2007, chứng nhận thay đổi lần

thứ nhất ngày 24/11/2016.

1.4. Mã số thuế: 6000596136.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Thủy điện.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Tổng diện tích đất của cơ sở: 96,94 ha.

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất phát điện: 6,4 MW (gồm 02 tổ máy có công suất 3,2 MW/tổ máy).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Thủy điện Điện lực Đắk Lắk:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Thủy điện Điện lực Đắk Lắk có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải,

sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày cấp Giấy phép.

- Quyết định số 1718/QĐ-UBND ngày 25/7/2007 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư công trình Thủy điện Ea Drăng 2 hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Ea H'leo tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để báo cáo);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Ea H'leo;
- Công ty CP Thủy điện Điện lực Đắk Lắk
(Đ/c: Phòng 6, tầng 2, khu B Chung cư HAGL,
33 Nguyễn Công Trứ, P. Tự An, Tp. BMT);
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- TTCN và Cổng TTĐT tỉnh (để đăng tải);
- Lưu: VT, NNMT (H. 07b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Văn Cảnh

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND
ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

1.1. Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh khu vực Nhà máy.

1.2. Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh khu vực Nhà quản lý vận hành.

Nước thải sinh hoạt (nguồn số 01, 02) phát sinh khoảng 0,06 m³/ngày đêm, được thu gom, xử lý sơ bộ và lưu chứa tại bể tự hoại, định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng để xử lý, không xả thải ra môi trường.

1.3. Nguồn số 03: Nước thải rò rỉ nhiễm dầu phát sinh từ các gian máy, van cầu và đường ống tại khu vực Nhà máy.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận: 01 dòng nước thải sau hồ thu gom nước thải rò rỉ nhiễm dầu.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải: Suối Ea Đrăng thuộc địa bàn xã Ea Wy, huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk.

2.3. Vị trí xả nước thải:

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 108°30', múi chiều 3'): X: 450260; Y: 1465420

2.4. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 0,25 m³/ngày đêm, 0,01 m³/giờ.

2.4.1. Phương thức xả nước thải: Bơm cưỡng bức.

- Nước thải sau xử lý được bơm theo đường ống PVC Ø34 (chiều dài 40 m) dẫn ra kênh xả hạ lưu của Nhà máy (chiều dài 293,3 m) ra suối Ea Đrăng.

2.4.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục.

2.4.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải (QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B, hệ số K_q = 0,9, K_f = 1,2), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	pH	-	5,5 - 9	6 tháng/lần	Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	Chất rắn lơ lửng	mg/l	108		
3	COD	mg/l	162		
4	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	54		
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	10,8		
6	Tổng Nitơ	mg/l	43,2		
7	Tổng photpho	mg/l	6,48		
8	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10,8		
9	Tổng Coliform	MPN/100ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Nước thải sinh hoạt từ nguồn số 01, 02: Được thu gom bằng đường ống Ø114 về bể tự hoại 3 ngăn để xử lý sơ bộ và lưu chứa. Khi các bể đầy, đơn vị sẽ hợp đồng với Công ty CP Đô thị và Môi trường Đắc Lắc vận chuyển, xử lý, tần suất 1 – 2 lần/năm.

- Nước thải nhiễm dầu từ nguồn số 03: Được thu gom về hố thu gom (01 hố, thể tích 0,25 m³, kích thước: 0,5m x 0,5m x 1m, kết cấu: gạch M200mm, chống thấm 02 lớp bên trong), xử lý tách dầu rò rỉ bằng tấm thấm dầu (kích thước 0,5m x 0,5m). Tấm thấm dầu sau sử dụng được thu gom về khu vực lưu chứa chất thải nguy hại, định kỳ hợp đồng, chuyển giao cho đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Dung tích thiết kế: Gồm 02 bể tự hoại, dung tích 9,464 m³/bể.

- Thông số kỹ thuật: Bể tự hoại 3 ngăn, kích thước mỗi bể: 2,6m x 1,4m x 2,6m, xây bằng gạch M 200mm, chống thấm hai lớp bên trong.

- Quy trình xử lý: Nước thải từ nhà vệ sinh → ngăn chứa → ngăn lắng → ngăn lọc, lưu chứa → định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt quy định tại khoản 4 Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ hút bùn tại bể tự hoại với tần suất 1-2 lần/năm.

- Trường hợp xảy ra sự cố tại hố thu gom nước rò rỉ nhiễm dầu, lưu chứa nước thải rò rỉ nhiễm dầu tại hố thu và sử dụng bơm sung giấy thấm dầu cho đến khi thu gom hết lượng dầu rò rỉ mới thực hiện xả thải ra ngoài môi trường.

- Thường xuyên tổ chức nạo vét hệ thống thoát nước, tránh tình trạng tắc nghẽn gây hiện tượng ngập úng khi có mưa lớn. Khi xảy ra sự cố tắc, vỡ đường ống thoát nước mưa, nước thải, cử cán bộ tìm kiếm, xác định vị trí bị tắc, vỡ để thực hiện thông đường ống tắc nghẽn; thay thế đường ống thoát nước bị hỏng.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Công trình xử lý nước thải tại cơ sở không thuộc điểm a khoản 1 Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 nên không phải vận hành thử nghiệm (nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 03 ngăn thì tiếp tục được lưu chứa tại bể. Khi bể đầy, đơn vị hợp đồng với đơn vị có chức năng đề vận chuyển, xử lý, không xả thải ra ngoài môi trường).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom, xả nước thải sau xử lý theo đúng quy định về bảo vệ môi trường.

3.3 Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở.

3.4. Việc chuyển giao nước thải cho đơn vị khác xử lý phải đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với hoạt động chuyển giao nước thải theo quy định tại Điều 74 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.5. Công ty Cổ phần Thủy điện Điện lực Đắk Lắk chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND
 ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn::

Tiếng ồn từ hoạt động của 02 tổ máy phát điện.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn:

- Tọa độ (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}30'$, múi chiều 3'): X:450255, Y:1465402

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn nơi làm việc và QCVN 27:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung - giá trị cho phép tại nơi làm việc, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn	
1	Tiếng ồn	dBA	QCVN 24:2016/BYT	85
2	Độ rung	m/s^2	QCVN 27:2016/BYT	Phương đứng: 0,086
				Phương ngang: 0,06

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Vận hành máy móc đúng quy trình quy phạm, bảo dưỡng định kỳ cho máy móc thiết bị, kiểm tra độ mòn chi tiết thường kỳ, cho dầu bôi trơn hoặc thay những chi tiết hư hỏng nhằm giảm nguồn ồn tại nơi phát sinh. Tần suất 2 lần/tuần.

- Không hoạt động quá công suất thiết kế.

- Công nhân vận hành được bố trí theo ca trực (vận hành theo quy trình 2 ca – 4 kíp), làm việc trong phòng kín, sử dụng hệ thống điều khiển tự động nên hạn chế việc tiếp xúc trực tiếp với tiếng ồn.

- Trang bị đầy đủ dụng cụ ốp tai chống ồn và bắt buộc công nhân phải sử dụng khi tiếp xúc những nơi có độ ồn lớn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Thực hiện các biện pháp quản lý trong quá trình hoạt động để giảm thiểu tiếng ồn và độ rung.

2.3. Bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND
ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	30
2	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	Lỏng	17 02 04	17
3	Dầu truyền nhiệt và cách điện tổng hợp thải	Lỏng	17 03 04	100
4	Bao bì kim loại (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH và không có lớp lót nguy hại như amiang) thải	Rắn	18 01 02	53
5	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	50
6	Ắc quy thải	Rắn	19 06 01	17
7	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	03
8	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng nguy hại)	Rắn	16 01 13	1,5
9	Dầu thủy lực tổng hợp thải ^(*)	Lỏng	17 01 06	1.200
Tổng (trừ mục 9)				271,5

Ghi chú: (*) Dầu thủy lực tổng hợp thải 10 năm thay một lần

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bao bì nhựa, thùng giấy, ốc vít, bu lông...	0,5

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng
1	Chất thải sinh hoạt có khả năng tái chế (chai lọ, lon nhôm...)	1,5 kg/tháng
2	Chất thải sinh hoạt không có khả năng tái chế (thức ăn thừa, bao bì nilon...)	0,25 kg/ngày

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng phuy thép (loại 200 lít), khung sắt (kích thước 0,6m x 0,5m), có dán nhãn và mã chất thải nguy hại.

2.1.2. Khu vực lưu chứa:

Cơ sở đã xây dựng kho lưu chứa chất thải có diện tích 7,6 m² (kích thước: 2m x 3,8m), trong đó, bố trí khu vực để lưu chứa chất thải nguy hại.

Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa chất thải nguy hại: Tường gạch bao quanh, nền bê tông, có mái che, có thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại phù hợp, dán nhãn chất thải nguy hại.

2.1.3. Biện pháp xử lý

Hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định (Hiện Công ty đang hợp đồng với Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng An Sinh để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo Hợp đồng số 237.12-ASTN/HĐKT-CTNH/2021 ngày 27/12/2021).

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa, loại 60 lít.

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

Cơ sở đã xây dựng kho lưu chứa chất thải có diện tích 7,6 m² (kích thước: 2m x 3,8m), trong đó bố trí khu vực để lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường.

Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa chất thải: Tường gạch bao quanh, nền bê tông, có mái che, bố trí thiết bị lưu chứa chất thải, có dán nhãn.

2.2.3. Biện pháp xử lý:

Khi khối lượng phát sinh nhiều, chất thải rắn công nghiệp thông thường có khả năng tái chế được bán cho các đơn vị thu mua phế liệu trên địa bàn.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Chất thải không có khả năng tái chế: thùng nhựa, dung tích 60 lít.
- Chất thải có khả năng tái chế: thùng nhựa, dung tích 60 lít.

2.3.2. Biện pháp xử lý:

- Chất thải không có khả năng tái chế: Được thu gom về khu vực bố trí thùng rác. Sau khi tan ca sẽ được công nhân chuyển ra khu vực tập kết rác chung của xã.
- Chất thải có khả năng tái chế: Được thu gom về khu vực bố trí thiết bị lưu chứa, bán cho đơn vị thu mua phế liệu trên địa bàn.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND
ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG)

Đã hoàn thành các hạng mục sản xuất và công trình bảo vệ môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định số 1718/QĐ-UBND ngày 25/7/2007 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư công trình Thủy điện Ea Đrăng 2. Một số nội dung thay đổi so với Quyết định số 1718/QĐ-UBND nêu trên được nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở.

D. CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Khu vực, thiết bị lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường cho đơn vị có chức năng theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Thực hiện giám sát, duy trì các biện pháp hạn chế tốc độ bồi lắng, phù nướng của hồ chứa; quy trình vận hành hồ chứa; phương án duy trì dòng chảy sinh thái tại cơ sở đảm bảo theo quy định.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật./.